

Bản án số: 109/2023/DS-PT

Ngày: 16-5-2023

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền trên đất và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Giấy uỷ quyền ngày 12/5/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn Đ: Ông Trịnh Bình T, Luật sư Văn phòng luật sư D, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chùa M, do bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là người trụ trì đại diện.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hương Q, Luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.
2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện P.
3. Ông Phan Văn N, sinh năm 1980; Tạm trú: tỉnh Đồng Nai;
4. Ông Phan Văn G, sinh năm 1970;
5. Bà Phan Thị S (X), sinh năm 1952;
6. Ông Phan Văn T, sinh năm 1966;
7. Ông Phan Văn G, sinh năm 1975;
8. Bà Phan Thị L, sinh năm 1961;
9. Bà Phan Thị U, sinh năm 1977;
10. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1952.

Cùng cư trú: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên;

Ông G, bà S, ông T, ông G, ông N, bà L, bà U ủy quyền cho ông Phan Văn Đ.

Người kháng cáo: Ông Phan Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/6/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/6/2012 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Trước năm 1975, cha mẹ tôi là ông Phan N, bà Nguyễn Thị M có khai hoang, tạo lập một mảnh đất với diện tích khoảng 6000m², tọa lạc tại thôn C, xã H, P, Phú Yên. Trên mảnh đất này, cha mẹ tôi có dựng một ngôi nhà và trồng các loại cây: mía, chuối, sắn, đậu,... và chăn nuôi bò. Trong quá trình sử dụng, cha mẹ tôi không lập giấy tờ gì để chính quyền địa phương xác nhận. Cha mẹ tôi có 08 người con: Phan Thị U, Phan Thị L, Phan Thị S, Phan Văn Đ, Phan Văn T, Phan Văn G, Phan Văn G và Phan Văn N.

Năm 1989, cha tôi chết, mẹ tôi và các anh em trong gia đình tiếp tục quản lý sử dụng mảnh đất trên. Lúc này, phía trên mảnh đất của cha mẹ tôi có một ngôi chùa (nay là chùa M) do bà Lê Thị A (trụ trì trước đây của chùa M) dựng để thờ tự. Năm 1994, mẹ tôi chết. Lúc này các em của tôi có gia đình riêng và đi sinh sống ở nơi khác. Vợ chồng tôi tiếp tục quản lý, sử dụng mảnh đất nói trên để trồng chuối, sắn, đậu,...

Trong số các người em của tôi có Phan Văn N hay vào chùa để học đạo Phật. Năm 2004, tôi giao quyền sử dụng diện tích đất trên cho em tôi Phan Văn N. Vừa qua, gia đình tôi đến mảnh đất này để sử dụng trồng trọt thì bà Lê Thị A nói rằng đất này là đất của chùa M, không còn là đất của cha mẹ tôi nên bà A

không cho gia đình tôi sử dụng. Sau khi hỏi em tôi Phan Văn N thì gia đình tôi mới biết, năm 2005, bà Lê Thị A bảo em tôi viết giấy nhượng đất để cho bà trông coi đất trong lúc em tôi đi học đạo ở các tỉnh Lâm Đồng, Phan Thiết, chứ thực tế em tôi không nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà Lê Thị A. Do đó, mảnh đất trên là của gia đình tôi, việc bà Lê Thị A làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chùa M là không đúng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận diện tích đất 6.085m^2 và tài sản trên đất (theo Biên bản định giá ngày 17/02/2017 của TAND huyện P) là của gia đình tôi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 482096 do UBND tỉnh Phú Yên cấp cho Chùa M ngày 29/7/2008.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện bị đơn Chùa M trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là 6.085m^2 có nguồn gốc của ông Lê N, bà Nguyễn Thị L là cha mẹ của sư cô Lê Thị A khai hoang, sử dụng và tu tại gia từ năm 1922. Đến năm 1956, bà L chết, năm 1958, ông N chết, khi ông N chết được chôn trên diện tích đất này. Sau đó, sư cô Lê Thị A tiếp tục quản lý, sử dụng làm nơi tu hành. Năm 1966, do chiến tranh, sư cô A và chị là Lê Thị H vào Nha Trang tiếp tục tu tại chùa K. Năm 1985, sư cô A và bà H trở về diện tích đất này tiếp tục tu hành. Đồng thời thấy hoàn cảnh của cha mẹ ông Đ khó khăn nên sư cô A cho cha mẹ ông Đ là ông Phan N, bà Nguyễn Thị M trồng trọt hoa màu trên đất để có thêm thu nhập gia đình. Năm 2008, sư cô Lê Thị A làm thủ tục và được UBND tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.085m^2 là phù hợp. Về tài sản trên đất, tất cả đều do sư cô Lê Thị A, Lê Thị H trong quá trình tu hành xây dựng, trồng trọt. Nay nguyên đơn khởi kiện cho rằng đất và tài sản trên đất là của cha mẹ nguyên đơn để lại, yêu cầu chùa M trả lại toàn bộ diện tích đất, tài sản trên đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, đề nghị Tòa bác yêu cầu của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1/ Đại diện UBND tỉnh Phú Yên trình bày: Ngày 15/5/2008, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở T nguyên và Môi trường (nay là Văn phòng đăng ký đất đai) tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chùa M số AI 482096 với diện tích 6.085m^2 là tách ra từ thửa đất số 904 thuộc tờ bản đồ 392B với diện tích 39.755m^2 , loại đất núi, do UBND xã quản lý chứ không phải như nguyên đơn trình bày. Do đó, đề nghị Tòa bác yêu cầu của nguyên đơn.

2/ Đại diện UBND xã H trình bày: Vào năm 2008, chùa M đã được UBND tỉnh Phú Yên cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 11.669m^2 . Trong đó:

- Diện tích đất tôn giáo là 5.584m², thuộc thửa đất 927, tờ bản đồ 392B, thời gian sử dụng: Lâu dài; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện P, Phú Yên. Số seri: AI 482095, cấp ngày 29/7/2008, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T.01337.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác (HNK) là: 6085m², thuộc thửa đất số 928, tờ bản đồ 392B, loại đất HNK, thời gian sử dụng đất: Đến hết ngày 15/10/2013, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện P, Phú Yên. Số seri: AI 482096.

Qua đối chiếu, tờ bản đồ số 392B, số thửa đất 928, diện tích 6085m² đất này nằm trong diện tích 39755m², thuộc thửa đất số 904 (sổ mục kê là thửa đất 911), tờ bản đồ 392B, loại đất núi, diện tích 39755m² đất này là do UBND xã quản lý. Tại thời điểm năm 2008, chùa M làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (HNK) là 6.085m², UBND xã có ý kiến là đất không có tranh chấp. Do đó, đề nghị Tòa bác yêu cầu của nguyên đơn

3/ Các Ông bà: N, G, bà S, ông T, ông G, bà L, bà U đã ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày: Thống nhất như nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ vào Điều 163 Bộ luật dân sự 2015; Điều 101, 166, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, 32 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ về việc công nhận diện tích 6085m² và tài sản gắn trên đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 482096 do UBND tỉnh Phú Yên cấp ngày 29/7/2008 đối với diện tích 6085m² đứng tên chùa M.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 16/9/2022, ông Phan Văn Đ nộp đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không đúng pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Ông Phan Văn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bà Phạm Thị S là người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Văn Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông Trịnh Bình T, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn Đ đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bản Luận cứ có nội dung:

Đất tranh chấp trong vụ án này có nguồn gốc do cha, mẹ ông Đ (là cụ Phan N, Nguyễn Thị M) khai hoang, quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Cụ N, cụ M qua đời, thì các con của cụ N, cụ M tiếp tục quản lý, sử dụng, cụ thể ông Đ là người quản lý, sử dụng. Việc này có nhiều nhân chứng xác nhận.

Cô Lê Thị A (trụ trì chùa M, đã chết) xác định vào năm 1985 khi cô từ Nha Trang về thì thấy vợ chồng cụ N, cụ M đang sử dụng đất tranh chấp, cô dựng ngôi chùa bằng mái ngói vách đất, chùa lúc này nằm cách đất tranh chấp 50m về hướng Đông. Tại biên bản hòa giải ngày 4/6/2012, tại Bản tự khai ngày 7/01/2013 và các lời trình bày của cô Án có trong hồ sơ vụ án, cô A xác định đất tranh chấp cô mua của ông N với giá 4tr đồng, giữa cô và ông N có lập giấy viết tay (Giấy Nhường Đất Rẫy lập ngày 12/5/2005).

Qua lời trình bày của cô A cho thấy nguồn gốc đất là của cha, mẹ ông Đ. Cô A cho rằng mình mua đất của ông N, nhưng không có một giấy tờ nào thể hiện ông N đã nhận tiền của cô A và tất cả lời khai, lời trình bày của ông N trong hồ sơ vụ án này đều thể hiện rằng ông N không chuyển nhượng đất cho cô A, việc viết Giấy nhượng đất chỉ là hình thức để cô A đối phó với chính quyền, với anh chị của ông trong lúc ông không có mặt tại chùa M. Trong Giấy chuyển nhượng đất giữa cô A với ông N thể hiện đất của chùa M và đất của cha, mẹ ông Đ có ranh giới rõ ràng.

Trên đất tranh chấp, ngoài các cây trồng, thì có 01 ngôi nhà cấp 4 (cốc - nhà cho các sư ở), ngôi nhà này được hình thành từ việc gia đình ông Đ tháo dỡ nhà của cha mẹ đem đến xây dựng. Ngôi nhà này do ông N và một người thợ khác trực tiếp xây dựng.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của ông Đ yêu cầu tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 482096, thửa đất số 928, diện tích 6.085m² do UBND tỉnh Phú Yên cấp cho chùa M ngày 29/7/2008, công nhận đất này thuộc quyền quản lý của gia đình ông Đ, yêu cầu chùa M trả lại cho gia đình ông Đ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 04 và các cây trồng trên đất trong vụ án này là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Ông Nguyễn Hương Quê, người đại diện theo uỷ quyền của Chùa M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Bản trình bày có nội dung:

Nguồn gốc đất là của ông Lê N và bà Nguyễn Thị L khai hoang, lập tự với diện tích là 6.085m², xây chùa từ năm 1922 và sinh sống tại đây. Năm 1955 cụ N chết, năm 1956 cụ L chết và sau này các con của ông N, bà L (là Thảo, H, A) chết và cũng được chôn trên thửa đất này nhưng không ai tranh chấp. Sau đó, sư cô Lê Thị A tiếp tục quản lý, sử dụng và làm nơi tu hành tại ngôi chùa nhỏ trên thửa đất này.

Năm 1989 ông Phan N chết, năm 1994 bà Nguyễn Thị M chết. Năm 2004 các anh em ông Đ thống nhất giao lại phần tài sản canh tác trên đất cho ông Phan Văn N. Đến năm 2005 ông N viết giấy chuyển nhượng lại cho sư cô Lê Thị A với giá 4.000.000 đồng (đây là tính công phục hóa lại đất).

Chùa M đã đăng ký kê khai tại sổ mục kê quyền số 1, bộ II, trang 11 thuộc thửa số 928, tờ bản đồ 392 B, tọa lạc tại thôn C, xã H, huyện Tây Hòa, Phú Yên.

Đến năm 2008 sư cô Lê Thị A làm thủ tục đăng ký kê khai và được UBND tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.085m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 482096 ngày 29/7/2008 theo đúng trình tự pháp luật.

T sản trên đất có ngôi nhà cấp 4 (cốc) do sư cô Lê Thị A xây từ năm 2006 và các cây trồng lâu năm là cũng trong khoảng thời gian này, sau khi sư cô mua lại của ông Phan Văn N và tiến hành trồng cây xoài, xà cừ nên tài sản này là của sư cô Lê Thị A chứ không phải của nguyên đơn.

Như vậy, việc UBND tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 482096 ngày 29/7/2008, diện tích 6.085m² cho Chùa M là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật và các tài sản trên đất là của Chùa M xây dựng, trồng trọt là quyền sở hữu của Chùa M.

Việc ông Phan Văn Đ khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là không có căn cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ N và cụ L tạo lập trước năm 1975. Sau năm 1975, cha mẹ ông Đ là cụ N, cụ M có sử dụng, canh tác nhưng quá trình sử dụng không kê khai đăng ký. Nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản trên đất là của cụ N, cụ M. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 482096 ngày 29/7/2008, diện tích 6.085m² cho Chùa M là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Theo lời khai của người làm chứng ông Võ Khính, ông Mai Ngọc Anh, ông Mai Nào, thửa đất tranh chấp 6.085m² thuộc thửa 928, tờ bản đồ 392, tọa lạc tại thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên có nguồn gốc do ông Lê N, bà Nguyễn Thị L là cha mẹ của sư cô Lê Thị A khai hoang, sử dụng và tạo lập từ năm 1922. Lời khai của người làm chứng trên phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/11/2014 thể hiện trên thửa đất tranh chấp có một số ngôi mộ của gia đình sư cô Lê Thị A, trong đó có 02 ngôi mộ của cụ N và cụ L chôn vào năm 1955 và năm 1956. Như vậy, cụ N và cụ L đã sử dụng diện tích đất này từ trước năm 1955. Sau năm 1955, sư cô Lê Thị A tiếp tục sử dụng làm nơi tu hành cho đến năm 1966 vào Nha Trang tu tại chùa K, đến năm 1985 trở lại thửa đất này tiếp tục tu hành.

[2] Theo lời khai của người làm chứng ông Đỗ Ngọc L, Nguyễn Hữu S, Phạm Thế P, Phạm Ngọc T: sau năm 1975 có thấy ông Phan N, bà Nguyễn Thị M canh tác thửa đất phía Đông Chùa M trồng hoa màu như mía, chuối, sắn, đậu đỏ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2014, ông Phan Văn Đ trình bày: *“Đối với nguồn gốc đất 6.085m² đang tranh chấp này là do khoảng năm 1975, cha Phan N và mẹ Nguyễn Thị M khai hoang tạo lập để lại cho các anh chị em ông Đ và đến năm 2004 thì các anh chị em đều thống nhất để lại 6.085m² đất này giao cho ông N canh tác, sử dụng.....”*. Lời khai của ông Phan Văn Đ phù hợp với Giấy sang đất ngày 27/12/2004 do ông Phan Văn T và ông Phan Văn Tín viết có nội dung giao cho ông Phan Văn N toàn quyền sử dụng đất cha mẹ khai hoang.

[3] Ngày 12 tháng 5 năm Ất Dậu (2005), ông N viết Giấy nhường đất rẫy cho sư cô Lê Thị Ân với giá 4.000.000đ, giấy có nội dung: *“Tôi tên Phan Văn N, tôi có số đất rẫy cha mẹ tôi để lại, tất cả mấy anh tôi đồng ý cho tôi làm nhưng hoàn cảnh đất xấu trồng tía cũng chẳng ra gì, nên tôi nhường lại cho sư cô Lê Thị A PD Quảng Tu để lấy số tiền làm vốn để làm ăn số tiền 4.000.000đ....”*.

[4] Như vậy, ông Phan N, bà Nguyễn Thị M có thời gian canh tác tại thửa đất này, tuy nhiên sau khi ông Phan N chết năm 1989 và bà Nguyễn Thị M chết năm 1994, những người con của ông N, bà M thống nhất giao diện tích đất cho ông Phan Văn N sử dụng và ông Phan Văn N đã viết giấy sang nhượng đất cho sư cô Lê Thị A.

[5] Việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ và ông Phan Văn N cho rằng ông N không chuyển nhượng đất cho cô A, không nhận số tiền 4.000.000đ, việc viết giấy nhượng đất chỉ là hình thức để cô A đối phó với chính quyền, với anh chị của ông N là không phù hợp với nội dung giấy nhượng đất rẫy và các chứng cứ nêu trên.

[6] Về tài sản trên đất: nguyên đơn cho rằng 01 ngôi nhà cấp 4 (cái cóc) và cây lâu năm như xoài, xả cừ do ông N xây dựng và trồng là không phù hợp với lời khai của những người làm chứng do nguyên đơn cung cấp chỉ xác nhận ông N, bà M có trồng hoa màu như mía, sắn, chuối, đậu đỏ trên thửa đất tranh chấp.

[7] Quá trình sử dụng đất, ông N, bà M không đăng ký kê khai. Tại các Báo cáo số: 40/BC-UBND ngày 16/5/2017, số: 67/BC-UBND ngày 13/7/2017 và Công văn số 67/BC-UBND ngày 13/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã H cung cấp: từ năm 2005 đến 2008, diện tích 6085m² đất này do Chùa M sử dụng, trước năm 1993 diện tích đất 6085m² là đất do UBND xã quản lý, sau đó Chùa M sử dụng. Quá trình sử dụng đất, Chùa M có đăng ký kê khai tại Sổ mục kê quyển 1, bộ II trang 11 và đến năm 2008 Chùa M được UBND tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật, phù hợp với Điều 51 Luật Đất đai 2003.

[8] Từ các phân tích trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ là có căn cứ.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ và kháng cáo của ông Phan Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Đ;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Văn Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000286 ngày 31/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự